

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: **16/2026/DS-ST**

Ngày: 29/4/2026

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan.

Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2025/TLST-DS ngày 31/10/2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-DS ngày 20/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-DS ngày 08/4/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Quang H1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk, đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Q, sinh năm 1992.

2. Anh Trần Quang H2, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Ngày 02/02/2021, ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T và hai con là anh Trần Q, anh Trần Quang H2 có vay của tôi số tiền 1.330.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*); thời hạn vay là hai tháng kể từ ngày 02/02/2021 đến ngày 02/4/2021; lãi suất vay và lãi suất quá hạn theo quy định của Nhà nước. Mục đích vay tại thời điểm vay ông H1, bà T, anh Q và anh H2 chỉ nói với tôi là để giải quyết công việc, còn thực tế sử dụng vào mục đích gì thì tôi không rõ. Hết thời hạn vay ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T, anh Trần Q và anh Trần Quang H2 vẫn không trả cho tôi số tiền gốc và lãi phát sinh. Tôi đã yêu cầu ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T, anh Trần Q, anh Trần Quang H2 trả nợ nhiều lần nhưng ông H1, bà T, anh Q và anh

H2 cố tình trốn tránh. Hiện nay ông H1, bà T, anh Q và anh H2 đều đã bỏ đi khỏi địa phương.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Q, anh Trần Quang H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền vay gốc là 1.330.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*), tôi không yêu cầu tính lãi.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Q, anh Trần Quang H2 nhưng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại các buổi làm việc, không có lý do.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk: Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vi phạm nghĩa vụ tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, Điều 91, điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Quang H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Q, anh Trần Quang H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền vay gốc là 1.330.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc. HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; bị đơn cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Quang H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Q, anh Trần Quang H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền vay gốc là 1.330.000.000 đồng, HĐXX xét thấy:

Theo kết quả xác minh tại Công an xã E, tỉnh Đắk Lắk thể hiện ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T và hai con là anh Trần Q, anh Trần Quang H2

đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2022 cho đến nay nên không ghi nhận được ý kiến. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, tiến hành thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên các phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án một “GIẤY VAY TIỀN” không đề ngày, với nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim T có vay của bà Trần Thị H số tiền 1.330.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng). Thời hạn vay từ ngày 02/02/2021 (dương lịch) đến ngày 02/4/2021 (dương lịch) sẽ hoàn trả số tiền trên; Lãi suất vay và lãi suất quá hạn theo quy định của nhà nước. Phần NGƯỜI VAY TIỀN và ĐỒNG CAM KẾT VAY có chữ viết, chữ ký tên Trần Thị Kim H3, Trần Quang H1, Trần Q, Trần Quang H2.

Để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án, ngày 23/12/2025 Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 16/2025/QĐ-TCGD với các nội dung: Trưng cầu Phòng K Công an tỉnh Đ thực hiện giám định chữ ký của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại Kết luận giám định số 74/LK-KLHS ngày 14/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Đ thể hiện:

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị Kim T dưới mục NGƯỜI VAY TIỀN trên GIẤY VAY TIỀN so với chữ ký, chữ viết trên mẫu giám định do cùng một người ký ra.

- Chữ viết ghi họ tên Trần Quang H1 dưới mục ĐỒNG CAM KẾT VAY trên GIẤY VAY TIỀN so với chữ viết trên mẫu giám định do cùng một người viết ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Quang H1 dưới mục ĐỒNG CAM KẾT VAY trên GIẤY VAY TIỀN so với chữ ký trên mẫu giám định là do cùng một người ký ra hay không (do có các đặc điểm giống nhau và khác nhau không giải thích được, đặc điểm chữ ký mẫu so sánh không ổn định).

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên anh Trần Quang H2 dưới mục NGƯỜI VAY TIỀN trên GIẤY VAY TIỀN so với chữ ký, chữ viết trên mẫu giám định do cùng một người ký ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên anh Trần Q dưới mục ĐỒNG CAM KẾT VAY trên GIẤY VAY TIỀN so với chữ ký, chữ viết trên mẫu giám định do cùng một người ký ra.

Mặc dù không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Quang H1 dưới mục ĐỒNG CAM KẾT VAY trên GIẤY VAY TIỀN so với chữ ký trên mẫu giám định là do cùng một người ký ra hay không. Tuy nhiên, chữ viết ghi họ tên Trần Quang H1 dưới mục ĐỒNG CAM KẾT VAY trên GIẤY VAY TIỀN so với chữ viết trên mẫu giám định là do cùng một người viết ra cũng đủ cơ sở để buộc bị đơn ông Trần Quang H1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

Như vậy, căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn và Kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh Đ, HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh: Ngày 02/02/2021, ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T và hai con là anh Trần Q, anh Trần Quang H2 có vay của bà Trần Thị H số tiền 1.330.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng). Khi vay hai bên có xác lập hợp đồng vay, thời hạn vay là hai tháng kể từ ngày

02/02/2021 đến ngày 02/4/2021; lãi suất vay và lãi suất quá hạn theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Quang H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Q, anh Trần Quang H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị H số tiền vay gốc là 1.330.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*) là đúng với quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả lãi đối với khoản vay gốc nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Quang H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Q, anh Trần Quang H2 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 36.000.000 đồng + (3% x (1.330.000.000 đồng – 800.000.000 đồng)) = 51.900.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị H số tiền 25.959.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Quang H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Q, anh Trần Quang H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Trần Thị H số tiền vay gốc là 1.330.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn ông Trần Quang H1, bà Nguyễn Thị Kim T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Q, anh Trần Quang H2 phải chịu 51.900.000 đồng (*Năm mươi một triệu chín trăm ngàn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Trần Thị H được nhận lại 25.950.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu chín trăm năm mươi ngàn*) tiền tạm ứng án án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003556 ngày 28/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lưu Thị Ngọc Thủy